

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2022/DS-ST

Ngày: 17 – 03 – 2022

V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng
đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lữ Thành Đồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Chắc

2. Bà Lê Thị Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Mạch Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 115/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Chị Thị Khem M, sinh năm: 1982.

Cư trú: ấp 7, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang

2. Chị Thị Kol Th, sinh năm: 1984.

Cư trú: ấp 7, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trương Thanh V, sinh năm: 1984 (có mặt).

Cư trú: Số 37 Ngô Quốc Tr, phường 5, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Ông Danh D, sinh năm: 1975 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp 10, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hồng A, sinh năm: 1983 (vắng mặt)
Cư trú tại: Ấp 10, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang
 2. Bà Lâm Thị Kiều N, sinh năm: 1985 (vắng mặt)
Cư trú tại: Ấp 10, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang
- *Người làm chứng:*
1. Bà Thị H, sinh năm: 1976 (có mặt)
Cư trú tại: Ấp 4, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang
 2. Bà Thị Thu H, sinh năm: 1967 (có mặt)
Cư trú tại: Ấp 10, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang
 3. Bà Thị L, sinh năm: 1954 (vắng mặt)
Cư trú tại: Ấp 10, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang
 4. Bà Thị C, sinh năm: 1948 (vắng mặt)
Cư trú tại: Ấp 10, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang
 5. Ông Danh Nh, sinh năm: 1935 (vắng mặt)
Cư trú tại: Ấp 10, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang
 6. Ông Huỳnh Văn Ch, sinh năm: 1938 (vắng mặt)
Cư trú tại: Ấp 10, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang
 7. Ông Danh Đ, sinh năm: 1939 (vắng mặt)
Cư trú tại: Ấp 10, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha mẹ của nguyên đơn tức ông Danh Kh và bà Thị Th để lại. Năm 1995, ông Danh Kh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, phần đất có diện tích 9,609m², tại thửa 707, tờ bản đồ số 07. Đất tọa lạc tại ấp 10, xã Lương Nghĩa, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Năm 2014 ông Danh Kh chết, bà Thị Th thừa kế toàn bộ diện tích đất tại thửa 706 và 707, được Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01283 và CH01284 cùng ngày 01/7/2015. Đến tháng 4/2020 ông Danh D vào bao chiếm phần đất và đốn một số cây tạp nên phát sinh tranh chấp. Sự việc được chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành. Tháng 7/2020 bà Thị Th chết nên chị Thị Khem M và Thị Kol Th là người thừa kế phần đất trên. Nhưng ông Danh D bao chiếm phần đất nên chị Thị Khem M và Thị Kol Th không làm thủ tục thừa kế phần đất được. Nhận thấy, phần đất là của bà Thị Th ôn định sử dụng và đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc ông Danh D bao chiếm phần đất là ảnh hưởng đến quyền lợi của chị Thị

Khem M và Thị Kol Th nên nay chị Thị Khem M và Thị Kol Th làm đơn khởi kiện.

Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Danh D trả lại cho chị Thị Khem M và Thị Kol Th toàn bộ phần đất đã bao chiếm theo đo đạc thực tế là 578,1m², loại CLN, tại một phần thửa 3172, tờ bản đồ số 07. Đất tọa lạc tại ấp 10, xã Lương Nghĩa, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn Danh D trình bày:

Nguồn gốc phần đất này là của ông Danh B cho mẹ ông Danh D là bà Thị H. Khi bà Thị H chết (không rõ năm nào) thì có để lại phần đất cho ông. Việc tặng cho phần đất giữa ông Danh B cho bà Thị H và từ bà Thị H cho ông Danh D chỉ thực hiện bằng miệng, không có giấy tờ hay văn bản gì. Thời điểm cho đất thì bà Thị H chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất do ông Danh B đứng tên. Sau đó ông Danh Kh (cậu 2 của ông Danh D) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Danh D không hay biết. Khi ông Danh Kh làm thủ chuyển nhượng đất của ông Kh cho một vài hộ ở địa phương thì ông mới biết là ông Kh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng do ông Danh Kh không có chuyển nhượng phần đất của ông Danh D nên ông cũng không quan tâm.

Năm 2015, bà Thị Th được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Danh D cũng không hay biết. Sau khi được tặng cho phần đất thì gia đình ông Danh D đã sử dụng phần đất trên từ rất lâu. Chỉ sử dụng trồng một số cây ăn trái, không có xây dựng công trình gì trên đất. Bà Thị H có trồng trên đất 09 cây dứa, hiện tại chỉ còn lại 07 cây, do khi bà Thị Th chuyển nhượng phần đất cho ông Hồng A thì đốn đi 02 cây. Do ông Danh D đi làm ăn xa nên bà Thị Th có chuyển nhượng cho ông Hồng A một phần đất của ông có diện tích đo đạc thực tế là 227,4m² thì ông không biết.

Nay với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông Danh D không đồng ý. Vì phần đất này là của ông ngoại ông (ông Danh B) tặng cho mẹ ông (bà Thị H) và mẹ ông tặng cho lại cho ông. Nhưng ông Danh D không có yêu cầu phản tố trong vụ kiện này. Đối với 02 cây dứa mà ông Hồng A đã đốn thì ông cũng không có yêu cầu gì. Đối với phần đất đã chuyển nhượng cho ông Hồng A là 227.4m² khi nào tranh chấp ông Danh D sẽ khởi kiện sau.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hồng A trình bày: Năm 2014 anh Nguyễn Hồng A có nhận chuyển nhượng của bà Thị Th một phần đất diện tích 415,1m², loại đất trồng cây lâu năm và 145,5m², loại đất ở nông thôn với số tiền là 150.000.000 đồng. Ngoài ra vào năm 2018 anh Nguyễn Hồng A có nhận

chuyển nhượng thêm của bà Thị Th một phần đất diện tích 2907,1m², loại đất trồng cây lâu năm với số tiền là 150.000.000 đồng. Các phần đất trên ông Nguyễn Hồng A đã được Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm các thửa 2900, 2899 cấp ngày 12/11/2015 và thửa 3171 cấp ngày 18/02/2020, ông yêu cầu được ổn định sử dụng.

Nay ông không có yêu cầu gì trong vụ kiện này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lâm Thị Kiều N trình bày:

Bà Nương thống nhất theo lời trình bày của ông Nguyễn Hồng A và không trình bày gì thêm.

Người làm chứng Thị H trình bày: Bà Hồng là em ruột của ông Danh D . Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông ngoại là ông Danh B cho mẹ bà là Thị H. Sau khi bà Thị H chết không để lại di chúc . Bà H không biết bà Thị H được cho đất vào thời gian nào và cũng không biết rõ diện tích là bao nhiêu . Khi được cho đất thì bà Thị H có về cất chòi để ở và trồng 09 cây dứa trên đất. Khoảng năm 1998 thì bà Thị H bệnh chết, khoảng năm 2001 cha của bà là ông Danh Ch chết. Khi ông Danh Ch chết thì không còn ai ở trên phần đất này nữa , chỉ còn hái dứa và thỉnh thoảng có về dọn cỏ.

Người làm chứng Thị Thu H trình bày: Bà H là chị ruột của ông Danh D . Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông ngoại là ông Danh B cho mẹ bà là Thị H. Sau khi bà Thị H chết không để lại di chúc . Bà H không biết bà Thị H được cho đất vào thời gian nào và cũng không biết rõ diện tích là bao nhiêu . Khi được cho đất thì bà Thị H có về cất chòi để ở và trồng 09 cây dứa trên đất. Khoảng năm 1998 thì bà Thị H bệnh chết, khoảng năm 2001 cha của bà là ông Danh Ch chết. Khi ông Danh Ch chết thì không còn ai ở trên phần đất này nữa , chỉ còn hái dứa và thỉnh thoảng có về dọn cỏ.

Người làm chứng Thị L trình bày: Bà L là thím dâu của ông Danh D . Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Danh B cho bà Thị H. Bà H có cất chòi để ở, khi bà Thị H chết thì không còn ai ở trên phần đất này . Bà L không biết bà Thị H được cho đất vào thời gian nào và cũng không biết rõ diện tích là bao nhiêu.

Người làm chứng Thị C trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Danh B cho bà Thị H. Bà H có cất chòi để ở, khi bà Thị H chết thì không còn ai ở trên phần đất này . Bà C không biết bà Thị H được cho đất vào thời gian nào và cũng không biết rõ diện tích là bao nhiêu.

Người làm chứng Danh Nh trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Danh B cho bà Thị H . Bà H có cất chòi để ở ,ngoài ra ông Danh Nh không biết gì khác.

Người làm chứng Huỳnh Văn Ch trình bày: Ông là anh bà con với ông Danh Kh. Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Danh B cho bà Thị H vào năm 1977. Đến năm 1978 thì bà Thị H cất nhà và trồng dừa. Đến năm 1996 khi đào kênh Long Mỹ 2 thì bà Thị H dời nhà về kênh Long Mỹ 2. Năm 1975, ông Danh Kh về ở trên phần đất của ông Danh B gần nhà với bà Thị H. Khi bà Thị H dời nhà đi thì ông Danh Kh lấy lại toàn bộ phần đất của ông Danh B. Năm 1979, ông Danh B chết không có để lại di chúc phần đất này cho ai. Đến năm 1989, khi có chính sách trả về đất gốc thì ông Danh Kh được hưởng hết. Nguyên nhân ông Ch biết rõ là do trước đây ông có công tác thanh niên ở ấp, sau đó là nông hội rồi đến thu kho tập đoàn nên ông Ch biết rõ. Kể từ năm 1996 đến nay thì gia đình bà Thị H không còn ai sử dụng phần đất trên. Khi được cho đất thì bà Thị H có cất nhà ở, khi bà Thị H dời về kênh Long Mỹ 2 thì đã tháo dỡ căn nhà.

Người làm chứng Danh Đ trình bày: Năm 1975 ông Danh B có cho bà Thị H một miếng biển 02 chỗ ở, một chỗ cặp nhà và một chỗ sát mé lộ. Không ở được cho nên ở sát nhà ông Danh B. Trước đây ông Danh Kh đi tu, đến năm 1972 không đi tu nữa mà đi lính. Đến năm 1975 trở về tại nhà ông Danh B, khi ông Danh B chết, ông Danh kh lấy lại hết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt; do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Thị Khem M, Thị Kol Th đối với bị đơn Danh D. Buộc bị đơn Danh D trả cho nguyên đơn Thị Khem M, Thị Kol Th phần đất diện tích 578,1m², tại một phần thửa 3172, tọa lạc tại ấp 10, xã Lương Nghĩa, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Phần đất tranh chấp giữa các bên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các đương sự phát sinh tranh chấp về việc xác định ai là người được quyền sử dụng đất nên xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Căn cứ theo quy định tại Điều 26; Điều 35

và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Về thủ tục tố tụng : Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt . Căn cứ Điều 228, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nhưng vẫn đảm bảo quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định pháp luật.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Phần đất tranh chấp theo như đo đạc thực tế có diện tích 578,1m², nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01284 cấp ngày 01/7/2015 do bà Thị Th đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha mẹ của nguyên đơn tức ông Danh Kh và bà Thị Th để lại. Năm 1997, ông Danh Kh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, phần đất có diện tích 9,609m², tại thửa 707 (3172), tờ bản đồ số 07. Đất tọa lạc tại ấp 10, xã Lương Nghĩa, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Năm 2014 ông Danh Kh chết, bà Thị Thời thừa kế toàn bộ diện tích đất tại thửa 706 và 707, được Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01283 và CH01284 cùng ngày 01/7/2015.

Bị đơn cho rằng phần đất tranh chấp là do ông Danh B (ông ngoại Danh Del) cho mẹ ông là bà Thị H và sau đó bà Thị H cho lại ông , nhưng chỉ nói miệng, không có giấy tờ gì. Ngoài ra, bị đơn nại ra nhiều lý do như việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Danh Kh thì bị đơn không hay biết. Tuy nhiên, qua trích lục hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Danh Kh, thể hiện phần đất đang tranh chấp là của ông Danh Khiêl đã làm từ trước năm 1996, sau đó ông Danh Kh có đi đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1997. Từ khi được cấp giấy ông Danh Kh luôn canh tác và sử dụng không ai tranh chấp. Hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn cho rằng phần đất này là của bị đơn nhưng bị đơn không có yêu cầu phản tố về việc công nhận phần đất này cho mình sử dụng. Đồng thời ông Danh Khiêl có quá trình sử dụng tính đến thời điểm tranh chấp là gần 30 năm nhưng bị đơn không trình báo với chính quyền địa phương để giải quyết mà đợi ông Danh Kh và bà Thị Th chết mới phát sinh tranh chấp. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh phần đất trên là của bị đơn. Mặc khác, bị đơn cũng thừa nhận từ khi được cho đất đến nay thì bị đơn không có quá trình quản lý cũng như canh tác đất. Bị đơn không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bị đơn.

Do đó căn cứ khoản 2, 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó...*”

Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án”.

Trong khi đó phần đất tranh chấp từ trước đến nay là do phía nguyên đơn trực tiếp quản lý và canh tác. Trong quá trình sử dụng đất nguyên đơn đã sử dụng đất đúng mục đích làm tăng huê lợi, tăng giá trị đất. Hiện tại phần đất tranh chấp bà Thị Th (mẹ của nguyên đơn) đã kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại công văn số 4112/UBND-TNMT ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ có nội dung như sau: Trường hợp của hộ Danh Khiêl có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất lập ngày 07/12/1996, với tổng diện tích 22.691m², gồm các thửa đất như sau : Thửa đất số 707, diện tích 10.037m², loại đất LNK ; thửa 704, diện tích 4.737m², loại đất Mùa ; thửa 611, diện tích 5.867m², loại đất Mùa; thửa 705, diện tích 1.750m², loại đất LNK; thửa 706, diện tích 300m², loại đất T. Tất cả các thửa đất trên thuộc tờ bản đồ số 7, địa chỉ ấp 07, xã Lương Tâm, huyện Long Mỹ, tỉnh Cần Thơ (nay là ấp 10, xã Lương Nghĩa, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang). Hội đồng đăng ký đất đai xã Lương Tâm xác nhận hồ sơ hợp lệ, tại Mục II, Quyết định số 201-QĐ/ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng cục Quản lý ruộng đất về việc ban hành Quy định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã được Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00221 ngày 09/9/1997.

Như vậy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00221, cấp ngày 09/9/1997 cho hộ Danh Kh là đúng đối tượng kê khai Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất lập ngày 07/12/1996 và theo khoản 1 Điều 2 Luật đất đai năm 1993 quy định: “Người sử dụng đất ổn định, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận thì được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Năm 2011, hộ Danh Khiêl có đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00221 ngày 09/9/1997, được Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00232, ngày 26/7/2011 công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 707, diện tích 9.609m², loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 07, địa chỉ ấp 10, xã Lương Nghĩa, huyện Long Mỹ,

tỉnh Hậu Giang và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00233, ngày 26/7/2011 công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 706, diện tích 300m², loại đất ở tại nông thôn, tờ bản đồ số 07, địa chỉ ấp 10, xã Lương Nghĩa, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Năm 2014, ông Danh Kh chết, bà Thị Th thừa kế toàn bộ diện tích đất tại thửa đất số 706 và 707 nêu trên theo Văn bản phân chia tài sản thừa kế được Ủy ban nhân dân xã Lương Nghĩa chứng thực ngày 22/4/2015, được Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01283 và CH01284 cấp cùng ngày 01/7/2015.

Như vậy, việc bà Thị Th nhận thừa kế từ ông Danh Kh đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 188 Luật đất đai 2013 và văn bản phân chia tài sản thừa kế được Ủy ban nhân dân xã Lương Nghĩa chứng thực ngày 22/4/2015 đúng theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013. Đồng thời, trình tự, thủ tục thừa kế đảm bảo theo Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

Trong quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Danh Kh và thủ tục nhận thừa kế của bà Thị Th tại thửa số 707 và 706 do ông Danh Khiêl chết để lại không phát sinh tranh chấp, khiếu nại.

Từ những phân tích trên, có căn cứ xác định phần đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của chị Thị Khem M, chị Thị Kol Th nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại phần đất là có căn cứ chấp nhận.

[5]. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn có yêu cầu phản tố, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với phần đất trên của bị đơn. Tòa án có văn bản yêu cầu bị đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, sau đó bị đơn xin rút lại yêu cầu phản tố nên hội đồng xét xử không xem xét đối với yêu cầu phản tố của bị đơn.

[6]. Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 157, 158 Bộ luật Tố tụng dân sự. Buộc ông Danh Del phải chịu 4.492.000 đồng, ông Danh D nộp để hoàn trả lại cho Thị Khem M, chị Thị Kol Th.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Danh Del phải nộp 300.000 đồng. Chị Thị Khem Ma, chị Thị Kol Tha được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8]. Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 26, 35, 39, 147, 157, 158, 228, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 99, 100, 203 Luật đất đai năm 2013.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị Khem M, chị Thị Kol Th đối với bị đơn Danh D.

2. Buộc bị đơn Danh D phải giao trả cho nguyên đơn Thị Khem M, Thị Kol Th phần đất tranh chấp tại một phần thửa 707 (3172), thể hiện tại vị trí (IIB) trong mảnh trích đo, diện tích theo như đo đạc thực tế là 578,1m², loại đất CLN, thuộc tờ bản đồ số 7; tọa lạc tại ấp 10, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang; nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01284 cấp ngày 01/7/2015 do bà Thị Thời đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất . Phần đất có kích thước như sau: Ngang trước giáp phần còn lại thửa 3172 (vị trí I) là 15,39m; ngang sau giáp phần còn lại thửa 3172 (vị trí III) là 17,65m + 1,16m; dài giáp thửa 705 là 39,21m + 1,96m; dài giáp phần còn lại thửa 3172 (vị trí I) là 9,12m + 9,28m + 17,22m + 7,45m + 14,30m.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn Danh D phải nộp 4.492.000 đồng, bị đơn Danh Del nộp để hoàn trả lại cho nguyên đơn chị Thị Khem M, chị Thị Kol Th.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Bị đơn Danh D phải nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng).

4.2. Nguyên đơn chị Thị Khem M, chị Thị Kol Th được nhận lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu tiền số 0001953 lập ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/3/2022). Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lữ Thành Đồng